TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HNGĐ - ST.
Ngày: 27/9/2019.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Hồng Trường.
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Bà Phan Thị Nhường.
Chức vụ: Cán bộ liên đoàn lao động huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

2/. Bà Mó Măng.
Chức vụ: Chủ tịch hội phụ nữ xã Ea Hiu, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nông Thị Lường.
Chức vụ: Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*
Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 27/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 155/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2019 . Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2019. Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị N Sinh năm: 1987
Trú tại: Thôn 10, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. **Bị đơn**: Ông Nguyễn Văn K Sinh năm: 1981
Trú tại: Thôn 10, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2019, tại bản tự khai ngày 03/6/2019, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với ông Nguyễn Văn K vào năm 2005, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/7/2005.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, vợ chồng thường xuyên cải vã, xúc phạm lẫn nhau, ông K sống thiếu trách nhiệm với gia đình, không chịu làm ăn mà thường hay đi đánh bạc. Mặc dù tôi đã khuyên bảo nhiều lần

nhưng ông K vẫn không thay đổi. Vì vậy, vợ chồng chúng tôi đã sống lạnh nhạt với nhau từ năm 2015 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy trong quá trình hòa giải và tại phiên toà ngày hôm nay vợ chồng chúng tôi cùng có nguyện vọng về tình cảm là xin thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi có 02 (Hai) con chung, các cháu tên là Nguyễn Văn A, sinh ngày 11/5/2006 và cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 26/6/2009.

Nguyện vọng về con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn K thì tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Văn A và cháu Nguyễn Thị Anh T cho đến khi hai cháu A và T đủ 18 tuổi. Tôi yêu cầu ông Nguyễn Văn K phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu A và T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 cháu, cho đến khi hai cháu A và T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Vợ chồng chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết, vì vậy tôi không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/6/2019, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị N vào năm 2005, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/7/2005.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, vợ chồng thường xuyên cải vã, xúc phạm lẫn nhau, đôi khi do buồn bực chuyện gia đình nên tôi có bỏ nhà đi ăn nhậu, chơi bài với bạn bè đến 03 ngày mới về nhà. Mặc dù bà N đã khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thay đổi. Vì vậy, vợ chồng chúng tôi sống lạnh nhạt với nhau từ năm 2015 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau. Nay bà N làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với tôi thì tôi có nguyện vọng về tình cảm là xin thuận tình ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi có 02 (Hai) con chung, các cháu tên là Nguyễn Văn A, sinh ngày 11/5/2006 và cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 26/6/2009.

Nguyện vọng về con chung: Tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Văn A và cháu Nguyễn Thị Anh T cho đến khi hai cháu A và T đủ 18 tuổi. Nếu được nuôi hai con chung thì tôi không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Vợ chồng chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết, vì vậy tôi không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Qua quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bị đơn ông Nguyễn Văn K vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bị đơn ông Nguyễn Văn K cùng có nguyện vọng về tình cảm là xin thuận tình ly hôn, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và Điều 55 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà N, ông K có 02 (Hai) con chung, các cháu tên là Nguyễn Văn A, sinh ngày 11/5/2006 và cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 26/6/2009.

Bà N có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 11/5/2006 và cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 26/6/2009 cho đến khi hai cháu A và T đủ 18 tuổi. Bà N yêu cầu ông Nguyễn Văn K phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu A và T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 cháu, cho đến khi hai cháu A và cháu T đủ 18 tuổi. Ông K cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Văn A và cháu Nguyễn Thị Anh T cho đến khi hai cháu A và T đủ 18 tuổi. Nếu được nuôi hai con chung ông K không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà N và ông K đều xác định: Nguồn thu nhập của vợ chồng bà N, ông K hiện nay đều phụ thuộc vào nguồn thu có từ sản xuất nông nghiệp. Trong đó có 5.000m2 đất trồng lúa và 1.640m2 đất trồng cây hoa màu của vợ chồng bà N, ông K. Ngoài ra bà N, ông K còn đi làm thuê. Mức thu nhập trung bình khoảng 3.000.000đ/1 tháng/1 người, phù hợp với kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thôn 10, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Xét nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Văn A và cháu Nguyễn Thị Anh T đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị N, xét điều kiện nuôi con thực tế của bà N, ông K và hiện nay hai cháu A và T đang sống chung cùng với bà N và ông K, vì vậy để không bị xáo trộn trong việc học tập, sinh hoạt của hai cháu, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao hai cháu Nguyễn Văn A và cháu Nguyễn Thị Anh T cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu A và T đủ 18 tuổi là thoả đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu A và T.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Nguyễn Văn K phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu A và T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 cháu, cho đến khi hai cháu A và cháu T đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn K được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không yêu cầu Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đề 03/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/7/2005. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K là hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, vợ chồng thường xuyên cải vã, xúc phạm lẫn nhau, ông K sống thiếu trách nhiệm với gia đình, không chịu làm ăn. Đôi khi do buồn bực chuyện gia đình nên ông K bỏ nhà đi ăn nhậu, chơi đánh bài với bạn bè đến 03 ngày mới về nhà. Mặc dù bà N đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông K vẫn không thay đổi. Vì vậy, vợ chồng bà N, ông K đã sống lạnh nhạt với nhau từ năm 2015 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà N, ông K đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K cùng có nguyện vọng về tình cảm là xin thuận tình ly hôn, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và Điều 55 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà N, ông K có 02 (Hai) con chung, các cháu tên là Nguyễn Văn A, sinh ngày 11/5/2006 và cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 26/6/2009.

Bà N có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 11/5/2006 và cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 26/6/2009 cho đến khi hai cháu A và T đủ 18 tuổi. Bà N yêu cầu ông Nguyễn Văn K phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu A và T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 cháu, cho đến khi hai cháu A và cháu T đủ 18 tuổi. Ông K cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con

chung là cháu Nguyễn Văn A và cháu Nguyễn Thị Anh T cho đến khi hai cháu A và T đủ 18 tuổi. Nếu được nuôi hai con chung ông K không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2019, cháu Nguyễn Thị Anh T có nguyện vọng xin được ở với mẹ Nguyễn Thị N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2019, cháu Nguyễn Văn A có nguyện vọng xin được ở với mẹ Nguyễn Thị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà N và ông K đều xác định: Nguồn thu nhập của vợ chồng bà N, ông K hiện nay đều phụ thuộc vào nguồn thu có từ sản xuất nông nghiệp. Trong đó có 5.000m2 đất trồng lúa và 1.640m2 đất trồng cây hoa màu của vợ chồng bà N, ông K. Ngoài ra bà N, ông K còn đi làm thuê. Mức thu nhập trung bình khoảng 3.000.000đ/1 tháng/1 người, phù hợp với kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thôn 10, xã E huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Xét nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Văn A và cháu Nguyễn Thị Anh T đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị N, xét điều kiện nuôi con thực tế của bà N, ông K và hiện nay hai cháu A và T đang sống chung cùng với bà N và ông K, vì vậy để không bị xáo trộn trong việc học tập, sinh hoạt của hai cháu, Hội đồng xét xử áp dụng vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao hai cháu Nguyễn Văn A và cháu Nguyễn Thị Anh T cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu A và T đủ 18 tuổi là thoả đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu A và T.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Nguyễn Văn K phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu A và T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 cháu, cho đến khi hai cháu A và cháu T đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn K được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, ông Nguyễn Văn K phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, Điều 220 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K.

[2] Về con chung: Giao hai cháu là Nguyễn Văn A, sinh ngày 11/5/2006 và cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 26/6/2009 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu A và T đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Nguyễn Văn K phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với hai cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 11/5/2006 và cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 26/6/2009 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 cháu, cho đến khi hai cháu A và cháu T đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn K được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] **Về án phí**: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà bà Nguyễn Thị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0011229, ngày 09/5/2019.

Buộc ông Nguyễn Văn K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bị đơn ông Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Trường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Pắc
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc.
- Các đương sự;
- UBND xã E, huyện Krông Pắc.
- Lưu hồ sơ vụ án.